

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 16/8/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-001	Đỗ Hoàng Anh	24.12.2001	Nữ	Tày	Tuyên Quang
2	GCN.16825-002	Hoàng Việt Anh	03.08.1998	Nam	Nùng	Lạng Sơn
3	GCN.16825-003	Lê Hải Anh	25.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.16825-004	Lương Tuấn Anh	14.02.1999	Nam	Kinh	Bắc Giang
5	GCN.16825-005	Lương Thế Anh	27.12.2003	Nam	Nùng	Lào Cai
6	GCN.16825-006	Nguyễn Đức Mai Anh	01.01.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
7	GCN.16825-007	Nguyễn Tuấn Anh	09.05.1974	Nam	Kinh	Yên Bái
8	GCN.16825-008	Nguyễn Thị Ngọc Anh	20.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.16825-009	Phạm Tuấn Anh	28.05.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.16825-010	Phùng Tuấn Anh	31.05.2005	Nam	Nùng	Thái Nguyên
11	GCN.16825-011	Trần Đức Việt Anh	16.06.2006	Nam	Kinh	Bắc Giang
12	GCN.16825-012	Trịnh Nhật Anh	19.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN.16825-013	Hà Triệu Vân Anh	14.04.2001	Nữ	Tày	Thái Nguyên
14	GCN.16825-014	Mai Lan Anh	21.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN.16825-015	Nguyễn Quốc Bảo	20.06.1992	Nam	Kinh	Bắc Giang
16	GCN.16825-016	Vũ Việt Bắc	07.12.2000	Nam	Kinh	Bắc Kạn
17	GCN.16825-017	Nguyễn Lương Bằng	16.11.1993	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN.16825-018	Nguyễn Thị Ngọc Bích	13.06.2001	Nữ	Kinh	Hung Yên
19	GCN.16825-019	Nguyễn Thị Bình	23.07.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN.16825-020	Vũ Văn Canh	01.09.1994	Nam	Kinh	Phú Thọ
21	GCN.16825-021	Nguyễn Xuân Cơ	08.03.1997	Nam	Kinh	Thanh hoá
22	GCN.16825-022	Trần Minh Cường	12.06.2001	Nam	Tày	Thái Nguyên
23	GCN.16825-023	Chu Minh Cường	14.05.1994	Nam	Kinh	Hà Nội
24	GCN.16825-024	Trần Văn Cường	10.09.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN.16825-025	Triệu An Chi	07.09.2003	Nữ	Nùng	Thái nguyên
26	GCN.16825-026	Nguyễn Xuân Chiêu	06.02.2003	Nam	Kinh	Lào Cai
27	GCN.16825-027	Đào Thị Chinh	20.08.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN.16825-028	Phạm Văn Chinh	20.10.1993	Nam	Kinh	Thái Bình
29	GCN.16825-029	Hà Hiếu Chung	19.05.2003	Nam	Tày	Yên Bái
30	GCN.16825-030	Giàng Thị Chư	28.07.2002	Nữ	Mông	Điện Biên
31	GCN.16825-031	Hoàng Đình Doanh	27.06.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
32	GCN.16825-032	Ngọc Thùy Dung	09.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
33	GCN.16825-033	Nguyễn Thị Hoa Dung	26.06.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN.16825-034	Nguyễn Lâm Dũng	21.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN.16825-035	Nguyễn Việt Dũng	05.01.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN.16825-036	Trần Hữu Dũng	11.11.1995	Nam	Kinh	Yên bá
37	GCN.16825-037	Bùi Quang Duy	10.07.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN.16825-038	Dương Tiến Duy	14.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THESIS THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 16/8/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-039	Nguyễn Văn Duy	17.07.1992	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN.16825-040	Tạ Quang Duy	19.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN.16825-041	Hoàng Thị Thu Duyên	08.07.2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn
4	GCN.16825-042	Hoàng Sơn Dương	06.06.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
5	GCN.16825-043	Ngô Văn Dương	31.03.2001	Nam	Kinh	Hà Nội
6	GCN.16825-044	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	10.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN.16825-045	Nguyễn Văn Dương	14.11.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN.16825-046	Ngô Minh Dương	22.04.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.16825-047	Hà Tiến Đạt	21.01.2002	Nam	Tày	Cao Bằng
10	GCN.16825-048	Lê Minh Đạt	19.05.1997	Nam	Kinh	Thanh Hoá
11	GCN.16825-049	Nguyễn Thành Đạt	12.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN.16825-050	Trần Văn Đăng	14.11.1989	Nam	Kinh	Bắc Giang
13	GCN.16825-051	Trần văn Diễm	07.02.2001	Nam	Sán chỉ	Bắc Giang
14	GCN.16825-052	Mã Văn Điệp	08.08.2002	Nam	Nùng	Bắc Giang
15	GCN.16825-053	Nguyễn Đình Điệp	20.03.1997	Nam	Kinh	Tuyên Quang
16	GCN.16825-054	Phương Huỳnh Điệp	28.06.2003	Nam	Sán chỉ	Thái Nguyên
17	GCN.16825-055	Nguyễn Duy Đông	15.08.1990	Nam	Tày	Lào Cai
18	GCN.16825-056	Nguyễn Xuân Đông	06.03.2000	Nam	Kinh	Hà Nội
19	GCN.16825-057	Bùi Minh Đức	27.06.2002	Nam	Tày	Bắc Kạn
20	GCN.16825-058	Dương Minh Đức	08.11.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN.16825-059	Đỗ Minh Đức	12.11.1994	Nam	Kinh	Thanh Hoá
22	GCN.16825-060	Phạm Việt Đức	09.06.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
23	GCN.16825-061	Doãn Hoàng Giang	23.01.2006	Nam	Kinh	Bắc Giang
24	GCN.16825-062	Đồng Thị Giang	15.02.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
25	GCN.16825-063	Hoàng Nguyễn Thu Giang	29.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN.16825-064	Nguyễn Đức Giang	24.07.1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.16825-065	Đinh Văn Giáp	01.02.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN.16825-066	Nguyễn Khắc Giáp	26.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN.16825-067	Lò Văn Giới	25.11.1994	Nam	Thái	Sơn La
30	GCN.16825-068	Đỗ Vĩnh Hà	04.01.1995	Nam	Kinh	Hà Nội
31	GCN.16825-069	Khuong Thu Hà	30.06.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang
32	GCN.16825-070	Lê Thị Hà	08.11.1974	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN.16825-071	Lưu Thu Hà	13.04.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
34	GCN.16825-072	Nguyễn Việt Hà	20.04.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
35	GCN.16825-073	Phạm Quang Hải	21.07.2001	Nam	Kinh	Ninh Bình
36	GCN.16825-074	Hoàng Thị Hồng Hạnh	09.12.2005	Nữ	Tày	Lào Cai
37	GCN.16825-075	Trịnh Đức Hạnh	30.12.2000	Nam	Kinh	Nam Định
38	GCN.16825-076	Đặng Ngọc Hào	08.11.1995	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 16/8/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-077	Lê Văn Hào	20.09.2002	Nam	Kinh	Hà Tây
2	GCN.16825-078	Bùi Thị Thúy Hằng	19.01.2002	Nữ	Kinh	Hà Nam
3	GCN.16825-079	Hoàng Thị Hằng	17.09.2002	Nữ	Tày	Lào Cai
4	GCN.16825-080	Trần Thị Hậu	21.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
5	GCN.16825-081	Nguyễn Thúy Hiền	02.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.16825-082	Phạm Hồng Hiếu	29.10.2001	Nam	Kinh	Nam Định
7	GCN.16825-083	Đào Văn Minh Hiếu	19.12.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN.16825-084	Đồng Minh Hiếu	01.12.2004	Nam	Kinh	Hải Dương
9	GCN.16825-085	Lê Minh Hiếu	29.10.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.16825-086	Nguyễn Ngọc Hiếu	18.10.1996	Nam	Kinh	Hải Phòng
11	GCN.16825-087	Nguyễn Trung Hiếu	01.10.1995	Nam	Kinh	Sơn La
12	GCN.16825-088	Phạm Văn Hiệu	07.02.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN.16825-089	Trần Thị Hoa	28.09.2003	Nữ	Kinh	Ninh Bình
14	GCN.16825-090	Trần Thị Yến Hoa	21.07.1990	Nữ	Sán diu	Thái Nguyên
15	GCN.16825-091	Lê Thị Thu Hoài	28.09.2003	Nữ	Cao Lan	Thái Nguyên
16	GCN.16825-092	Lê Văn Hoài	12.04.2001	Nam	Kinh	Hà Nội
17	GCN.16825-093	Phạm Thị Hoài	19.05.1998	Nữ	Kinh	Yên Bái
18	GCN.16825-094	Bùi Đình Nguyễn Hoàng	11.07.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN.16825-095	Đỗ Huy Hoàng	20.02.2003	Nam	Sán diu	Thái nguyên
20	GCN.16825-096	Đỗ Văn Hoàng	06.10.1992	Nam	Kinh	Bắc Giang
21	GCN.16825-097	Lò Minh Hoàng	13.03.2001	Nam	Thái	Sơn La
22	GCN.16825-098	Ngô Mạnh Hoàng	19.12.1996	Nam	Kinh	Hà Nội
23	GCN.16825-099	Nguyễn Văn Hoàng	09.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN.16825-100	Trần Mạnh Hoàng	28.04.1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN.16825-101	Trần Việt Hoàng	18.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN.16825-102	Nguyễn Duy Hoàng	22.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.16825-103	Thân Kim Hồng	19.11.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
28	GCN.16825-104	Lê Mạnh Huân	05.01.2003	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên
29	GCN.16825-105	Phạm Ngọc Huân	16.08.1990	Nam	Tày	Lào Cai
30	GCN.16825-106	Lý Thị Cẩm Huệ	06.11.1996	Nữ	Dao	Thái Nguyên
31	GCN.16825-107	Lê Mạnh Hùng	01.09.1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN.16825-108	Nguyễn Thái Hùng	20.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN.16825-109	Dương Quang Huy	01.03.2000	Nam	Kinh	Hà Nội
34	GCN.16825-110	Đồng Xuân Huy	13.12.2003	Nam	Kinh	Hải Dương
35	GCN.16825-111	Nguyễn Đức Huy	28.10.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN.16825-112	Nguyễn Ngọc Huyền	27.07.2002	Nữ	Thái	Lai Châu
37	GCN.16825-113	Thị Huyền	01.01.1999	Nữ	M'ông	Lâm Đồng
38	GCN.16825-114	Hoàng Như Huỳnh	26.06.2003	Nam	Nùng	Thái nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ



**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 16/8/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-115	Đặng Tuấn Hưng	13.11.1993	Nam	Kinh	Lào Cai
2	GCN.16825-116	Hoàng Phan Hưng	03.12.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN.16825-117	Hoàng Văn Hưng	29.09.2003	Nam	Kinh	Nam Định
4	GCN.16825-118	Hoàng Thị Lan Hương	05.03.1992	Nữ	Kinh	Yên Bái
5	GCN.16825-119	Trần Thị Diệu Hương	03.09.2002	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên
6	GCN.16825-120	Trịnh Mai Hương	12.06.2001	Nữ	Kinh	Yên Bái
7	GCN.16825-121	Nguyễn Thị Thu Hường	01.05.1990	Nữ	Kinh	Yên Bái
8	GCN.16825-122	Nguyễn Thị Thu Hường	16.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.16825-123	Nguyễn Trung Kiên	11.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN.16825-124	Nguyễn Văn Kha	10.08.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN.16825-125	Phan Bá Khải	29.05.2003	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
12	GCN.16825-126	Trần Đức Khải	24.10.2003	Nam	Kinh	Hải Dương
13	GCN.16825-127	Nguyễn Quý Khang	01.05.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
14	GCN.16825-128	Nguyễn văn Khang	16.07.1992	Nam	kinh	Lào Cai
15	GCN.16825-129	Hoàng Ngôi Khôi	05.07.2000	Nam	Nùng	Bắc Giang
16	GCN.16825-130	Nguyễn Lệ Khuyên	07.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN.16825-131	Hoàng Bạch Lan	01.11.2002	Nữ	Tày	Thái Nguyên
18	GCN.16825-132	Nông Thị Lan	20.05.2002	Nữ	Tày	Cao Bằng
19	GCN.16825-133	Nguyễn Mai Lan	10.11.2003	Nữ	Tày	Lào Cai
20	GCN.16825-134	Lầu Văn Lanh	17.07.1993	Nam	Giáy	Yên Bái
21	GCN.16825-135	Lê Thị Tùng Lâm	11.08.2004	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
22	GCN.16825-136	Nguyễn Thanh Lâm	25.12.2002	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
23	GCN.16825-137	Đặng Đức Lịch	20.12.1999	Nam	Kinh	Hà Nội
24	GCN.16825-138	Hoàng Thị Liêng	19.01.2003	Nữ	Tày	Yên Bái
25	GCN.16825-139	Bùi Thị Thuỳ Linh	22.12.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
26	GCN.16825-140	Đỗ Thuỳ Linh	01.02.1995	Nữ	Kinh	Yên Bái
27	GCN.16825-141	Giáp Nguyễn Thái Linh	26.10.2002	Nam	Tày	Hà Nội
28	GCN.16825-142	Hà Mai Linh	02.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
29	GCN.16825-143	Hà Viết Linh	24.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
30	GCN.16825-144	Lý Thị Thuỳ Linh	20.04.2003	Nữ	Hoa	Thái Nguyên
31	GCN.16825-145	Nông Văn Linh	30.10.2000	Nam	Dao	Lào Cai
32	GCN.16825-146	Nguyễn Khánh Linh	22.01.2004	Nữ	Kinh	Yên Bái
33	GCN.16825-147	Nguyễn Phạm Đan Linh	06.11.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN.16825-148	Nguyễn Thị Ngọc Linh	12.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN.16825-149	Tổng Khánh Linh	13.09.2003	Nữ	Kinh	Phú Thọ
36	GCN.16825-150	Trần Thị Hoài Linh	28.09.1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN.16825-151	Vũ Khánh Linh	22.01.2003	Nữ	Kinh	Lào Cai
38	GCN.16825-152	Lê Thị Loan	22.02.1994	Nữ	Kinh	Yên Bái

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 16/8/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-153	Dương Hữu Long	14.05.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN.16825-154	Phạm Đức Long	06.11.2003	Nam	Kinh	Ninh Bình
3	GCN.16825-155	Trần Quý Long	16.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.16825-156	Hoàng Phùng Lộc	29.03.1993	Nam	Mường	Yên Bái
5	GCN.16825-157	Nguyễn Văn Luyện	14.08.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.16825-158	Nguyễn Thị Hiền Lương	19.11.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
7	GCN.16825-159	Lý Khánh Ly	20.09.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
8	GCN.16825-160	Nguyễn Thị Hương Ly	03.08.2001	Nữ	Kinh	Yên Bái
9	GCN.16825-161	Vũ Hương Ly	27.04.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.16825-162	Trương Văn Lý	08.08.2003	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên
11	GCN.16825-163	Phạm Thanh Mai	26.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN.16825-164	Dương Văn Mạnh	17.08.2004	Nam	Sán diu	Thái nguyên
13	GCN.16825-165	Đào Đức Mạnh	13.12.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
14	GCN.16825-166	Đỗ Đức Mạnh	10.01.1992	Nam	Kinh	Bắc Giang
15	GCN.16825-167	Nguyễn Thế Mạnh	04.08.1990	Nam	Kinh	Thái bình
16	GCN.16825-168	Đỗ Quang Minh	02.10.2002	Nam	Kinh	Phú Thọ
17	GCN.16825-169	Khúc Văn Minh	15.01.1984	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN.16825-170	Lưu Công Minh	11.02.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
19	GCN.16825-171	Phạm Quang Minh	13.08.1998	Nam	Kinh	Bắc Giang
20	GCN.16825-172	Triệu Nhật Minh	26.07.2004	Nam	Nùng	Cao Bằng

Ấn định danh sách có: 20 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 16/8/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-173	Đỗ Đình Nam	29.09.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN.16825-174	Lê Huy Nam	20.12.1999	Nam	Kinh	Bắc Giang
3	GCN.16825-175	Nghiêm Trần Nam	06.10.1994	Nam	Kinh	Yên Bái
4	GCN.16825-176	Nguyễn Hồng Nam	08.06.1989	Nam	Kinh	Bắc Giang
5	GCN.16825-177	Nguyễn Thành Nam	15.10.2003	Nam	Kinh	Sóc Sơn
6	GCN.16825-178	Nguyễn Văn Nam	02.12.1991	Nam	Kinh	Thái Bình
7	GCN.16825-179	Trần Đình Nam	19.02.2001	Nam	Kinh	Nghệ An
8	GCN.16825-180	Trần Phương Nam	24.09.2003	Nam	Thái	Thái Nguyên
9	GCN.16825-181	Trần Văn Nam	15.09.1990	Nam	Kinh	Bắc Giang
10	GCN.16825-182	Phan Đăng Ninh	18.09.2003	Nam	Kinh	Thái nguyên
11	GCN.16825-183	Nguyễn Thị Thu Ngân	31.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN.16825-184	Dương Huy Ngộ	06.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN.16825-185	Hoàng Văn Ngọc	09.11.1992	Nam	Kinh	Bắc Giang
14	GCN.16825-186	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	11.12.2004	Nữ	Kinh	Thái nguyên
15	GCN.16825-187	Phạm Thị Nhân	09.11.1987	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN.16825-188	Lê Thị Nhân	30.05.1984	Nữ	Pa cô	TP Huế
17	GCN.16825-189	Dương Tiến Nhật	12.10.2002	Nam	Tày	Thái nguyên
18	GCN.16825-190	Nguyễn Trọng Nhật	27.11.2002	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên
19	GCN.16825-191	Đoàn Ngọc Nhi	19.05.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
20	GCN.16825-192	Ngô Thị Tuyết Nhi	06.05.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN.16825-193	Trần xuân Nhị	08.07.2002	Nam	Kinh	Hà Nội
22	GCN.16825-194	Nguyễn Thị Nhung	11.09.1994	Nữ	Kinh	Bắc Giang
23	GCN.16825-195	Nguyễn Thị Nhung	01.09.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
24	GCN.16825-196	Phan Thị Như	17.01.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
25	GCN.16825-197	Trần Hồng Phi	22.01.2003	Nam	Kinh	Nam định
26	GCN.16825-198	Nghiêm Xuân Phong	01.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.16825-199	Nguyễn Tuấn Phong	06.04.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
28	GCN.16825-200	Hoàng Thị Phú	23.11.1998	Nữ	Kinh	Thái Bình
29	GCN.16825-201	Nguyễn Đình Phụng	16.01.1998	Nam	Kinh	Tuyên Quang
30	GCN.16825-202	Nguyễn văn Phương	24.07.2002	Nam	Nùng	Thái Nguyên
31	GCN.16825-203	Đặng Thu Phượng	29.10.1999	Nữ	kinh	Tuyên Quang
32	GCN.16825-204	Đậu Thị Phượng	01.01.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN.16825-205	Dương Vinh Quang	17.05.2003	Nam	Sán diu	Thái Nguyên
34	GCN.16825-206	Đỗ Minh Quang	01.10.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
35	GCN.16825-207	Ma Công Quang	02.12.2001	Nam	Tày	Thái nguyên
36	GCN.16825-208	Nguyễn Duy Quang	21.07.2006	Nam	Kinh	Yên Bái
37	GCN.16825-209	Nguyễn Hồ Quang	23.06.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN.16825-210	Nguyễn Minh Quang	27.01.2002	Nam	Kinh	Hà Nội
39	GCN.16825-211	Hoàng Văn Quảng	24.07.2002	Nam	Nùng	Bắc Giang

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 16/8/2025 CAI CHIỀU

PHÒNG THI: 07

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-212	Kiều Hoàng Quân	06.10.2001	Nam	Kinh	Thái nguyên
2	GCN.16825-213	Lê Văn Quân	29.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN.16825-214	Trần Hồng Quân	16.07.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.16825-215	Trương Quốc Quân	05.09.1994	Nam	Kinh	Hải Phòng
5	GCN.16825-216	Vi Trung Quân	23.05.2002	Nam	Tày	Thái nguyên
6	GCN.16825-217	Mã Văn Quý	24.04.1998	Nam	Nùng	Thái nguyên
7	GCN.16825-218	Nguyễn Viết Quý	13.05.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
8	GCN.16825-219	Phạm Thị Lệ Quyên	17.07.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.16825-220	Hoàng Duy Quyên	16.01.2003	Nam	Cao Lan	Thái Nguyên
10	GCN.16825-221	Lê Văn Quyết	30.10.2002	Nam	Kinh	Hải Dương
11	GCN.16825-222	Hà Đức Quỳnh	24.08.2002	Nam	Kinh	Phú Thọ
12	GCN.16825-223	Nguyễn Thị Quỳnh	03.07.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN.16825-224	Tạ Diên Sinh	01.12.1988	Nam	Kinh	Phú Thọ
14	GCN.16825-225	Hoàng văn Sơn	12.04.1986	Nam	Thái	Lào Cai
15	GCN.16825-226	Lại Xuân Sơn	17.04.1998	Nam	Kinh	Yên Bái
16	GCN.16825-227	Lê Ngọc Sơn	02.10.2001	Nam	Kinh	Phú thọ
17	GCN.16825-228	Nguyễn Thanh Tâm	17.04.1996	Nữ	Kinh	Lào Cai
18	GCN.16825-229	Nguyễn Minh Tân	10.05.2003	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên
19	GCN.16825-230	Đinh Văn Tấn	07.06.1990	Nam	Tày	Tuyên Quang
20	GCN.16825-231	Lương Ngọc Tấn	19.09.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
21	GCN.16825-232	Bùi Quang Tiến	02.08.1981	Nam	Kinh	Hà Nội
22	GCN.16825-233	Lê Văn Tiến	26.10.2002	Nam	Kinh	Hà Nội
23	GCN.16825-234	Nguyễn Quang Tiến	02.09.2000	Nam	Kinh	Hà Nội
24	GCN.16825-235	Chu Đại Toàn	08.12.2005	Nam	Sán diu	Thái Nguyên
25	GCN.16825-236	Hoàng Quốc Toàn	02.06.1993	Nam	Kinh	Nghệ An
26	GCN.16825-237	Bùi Quốc Toàn	10.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.16825-238	Nông Đức Tôn	15.01.2002	Nam	Tày	Cao Bằng
28	GCN.16825-239	Hà Duy Tú	14.01.1999	Nam	Nùng	Thái Nguyên
29	GCN.16825-240	Nguyễn Danh Tú	18.07.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN.16825-241	Lưu Bá Tuấn	12.10.2002	Nam	Kinh	Bắc Giang
31	GCN.16825-242	Phạm Duy Tuấn	30.04.1989	Nam	Kinh	Yên Bái
32	GCN.16825-243	Dương Văn Tuấn	23.11.2001	Nam	Nùng	Bắc Giang
33	GCN.16825-244	Hoàng Ngọc Tuấn	30.01.1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN.16825-245	Lạc Hồng Tuấn	21.04.1999	Nam	Cao Lan	Yên Bái
35	GCN.16825-246	Nguyễn Anh Tuấn	13.08.1991	Nam	Kinh	Yên Bái
36	GCN.16825-247	Nguyễn Đức Tuấn	23.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN.16825-248	Nguyễn Văn Tuấn	24.04.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN.16825-249	Phạm Mạnh Tuấn	13.05.1989	Nam	Kinh	Bắc Giang
39	GCN.16825-250	Dương Văn Tùng	05.04.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 16/8/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 08

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-251	Nghiêm Đình Tùng	16.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN.16825-252	Nguyễn Văn Tùng	21.08.1997	Nam	Ngái	Thái nguyên
3	GCN.16825-253	Phạm Duy Tùng	01.07.1992	Nam	Kinh	Thái Bình
4	GCN.16825-254	Trần Huy Tùng	07.05.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN.16825-255	Trần Thanh Tùng	23.02.1999	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên
6	GCN.16825-256	Nguyễn Như Tuyên	22.09.2000	Nam	Kinh	Bắc Giang
7	GCN.16825-257	Hoàng Văn Tuyên	12.02.2002	Nam	Cao Lan	Bắc Giang
8	GCN.16825-258	Đào Văn Tuyên	19.09.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
9	GCN.16825-259	Dương Thị Tuyên	29.03.2003	Nữ	Nùng	Tỉnh Yên Bái
10	GCN.16825-260	Nông Thanh Tuyên	24.05.1999	Nam	Nùng	Lạng sơn
11	GCN.16825-261	Vũ Thị Ánh Tuyết	04.04.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN.16825-262	Nguyễn Thị Tư	23.09.1972	Nữ	Kinh	Yên Bái
13	GCN.16825-263	Đào Minh Thái	23.11.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN.16825-264	Đỗ Lê Thái	15.11.1995	Nam	Kinh	Hưng Yên
15	GCN.16825-265	Cao Nam Thanh	12.11.1993	Nam	Kinh	Hà Nội
16	GCN.16825-266	Đoàn Văn Thành	07.04.2002	Nam	Kinh	Bắc Giang
17	GCN.16825-267	Giáp Văn Thành	11.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
18	GCN.16825-268	Linh Công Thành	28.10.2003	Nam	Tày	Hà Giang
19	GCN.16825-269	Nguyễn Đức Thành	10.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN.16825-270	Nguyễn Hoàng Thành	10.12.2003	Nam	Kinh	Hải Phòng
21	GCN.16825-271	Tạ Văn Thành	02.06.1994	Nam	Kinh	Hà Nội
22	GCN.16825-272	Đỗ Thị Phương Thảo	14.06.2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang
23	GCN.16825-273	Lê Thu Thảo	27.10.1998	Nữ	Kinh	Hưng Yên
24	GCN.16825-274	Trần Thu Thảo	26.02.2005	Nữ	Kinh	Gia Lai
25	GCN.16825-275	Nguyễn Thị Phương Thảo	19.11.2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang
26	GCN.16825-276	Nguyễn Việt Thắng	31.03.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
27	GCN.16825-277	Nguyễn Xuân Thắng	07.09.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN.16825-278	Phạm Mạnh Thắng	29.05.1990	Nam	Kinh	Yên Bái
29	GCN.16825-279	Đỗ Văn Thiện	16.10.2002	Nam	Kinh	Thanh Hóa
30	GCN.16825-280	Nguyễn Văn Thiện	09.08.1999	Nam	Kinh	Tuyên Quang
31	GCN.16825-281	Đỗ Quốc Thịnh	28.02.1992	Nam	Tày	Thái Nguyên
32	GCN.16825-282	Nguyễn Thị Kim Thoa	05.09.2003	Nữ	Kinh	Lào cai
33	GCN.16825-283	Tòng Thị Hương Thông	17.05.2002	Nữ	Thái	Điện Biên
34	GCN.16825-284	Lê Đức Thời	01.09.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN.16825-285	Hà Thị Phương Thu	01.12.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
36	GCN.16825-286	Trần Như Thuần	28.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN.16825-287	Nguyễn Bá Thuần	15.10.1983	Nam	Kinh	Hưng yên
38	GCN.16825-288	Nguyễn Văn Thuận	08.03.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN.16825-289	Nguyễn Minh Thủy	01.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 16/8/2025 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 09

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.16825-290	Hoàng Minh Thuý	22.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN.16825-291	Phạm Thị Thanh Thuý	10.08.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
3	GCN.16825-292	Triệu Thu Thủy	26.02.2003	Nữ	Nùng	Cao Bằng
4	GCN.16825-293	Đồng Thị Hoài Thuyền	01.05.2002	Nữ	Kinh	Hà Nội
5	GCN.16825-294	Nguyễn Thị Minh Thư	08.01.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
6	GCN.16825-295	Trương Thị Minh Thư	10.12.2003	Nữ	Tày	Hà Giang
7	GCN.16825-296	Nguyễn Thị Anh Thư	20.05.2002	Nữ	Nùng	Yên Bái
8	GCN.16825-297	Phạm Văn Thực	12.06.1999	Nam	Kinh	Tuyên Quang
9	GCN.16825-298	Nguyễn Văn Thương	11.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Giang
10	GCN.16825-299	Dương Huyền Trang	25.10.2003	Nữ	Kinh	thái nguyên
11	GCN.16825-300	Đặng Huyền Trang	22.08.2003	Nữ	Dao	Lào cai
12	GCN.16825-301	Hoàng Thiên Trang	25.07.2002	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
13	GCN.16825-302	Phan Thị Huyền Trang	31.10.2003	Nữ	Kinh	Phú Thọ
14	GCN.16825-303	Vi Thị Trang	01.09.1998	Nữ	Tày	Thái Nguyên
15	GCN.16825-304	Nguyễn Văn Triệu	18.03.2002	Nam	Kinh	Hà Nội
16	GCN.16825-305	Đinh Đức Trọng	20.12.1992	Nam	kinh	Yên Bái
17	GCN.16825-306	Lương Thanh Trúc	18.11.2004	Nữ	Tày	Yên Bái
18	GCN.16825-307	Lý Thị Thanh Trúc	14.04.2002	Nữ	Giáy	Lai Châu
19	GCN.16825-308	Đỗ Đức Trung	21.02.1995	Nam	Kinh	Bắc Giang
20	GCN.16825-309	Hồ Bảo Trung	13.08.1992	Nam	Kinh	Yên Bái
21	GCN.16825-310	Nguyễn Viết Trung	02.04.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN.16825-311	Bùi Ngọc Trường	03.11.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN.16825-312	Lương Xuân Trường	25.01.1998	Nam	Kinh	Yên Bái
24	GCN.16825-313	Phan Thị Châu Uyên	27.09.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
25	GCN.16825-314	Nguyễn Triệu Ưu	15.09.2002	Nam	Tày	Bắc Kạn
26	GCN.16825-315	Nguyễn Thị Thảo Vân	27.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN.16825-316	Trần Quang Vinh	31.08.1997	Nam	Kinh	Thái nguyên
28	GCN.16825-317	Triệu Văn Vinh	17.05.1996	Nam	Dao	Tuyên Quang
29	GCN.16825-318	Nguyễn Trường Vũ	26.12.1995	Nam	Kinh	Yên Bái
30	GCN.16825-319	Trịnh Hoàng Vũ	03.02.1991	Nam	Kinh	Thanh Hoá
31	GCN.16825-320	Dương Thảo Vy	30.07.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
32	GCN.16825-321	Nguyễn Thị Xa	09.10.1996	Nữ	Kinh	Bắc Giang
33	GCN.16825-322	Mẫn Trường Xuân	10.05.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN.16825-323	Nguyễn Mai Xuân	01.09.2003	Nữ	Tày	Tuyên Quang
35	GCN.16825-324	Nguyễn Thị Xuân	19.02.2002	Nữ	Kinh	Lào Cai
36	GCN.16825-325	Ma Thị Xuyến	05.11.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
37	GCN.16825-326	Bùi Thị Yến	06.04.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN.16825-327	Lê Hoàng Yến	17.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN.16825-328	Nguyễn Thị Yến	08.11.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.